

Bản án số: 1471/2025/DS-PT

Ngày 25/11/2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1020/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 12/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6115/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 20207/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn D, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm 2001; địa chỉ: khu phố D, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 04 tháng 3 năm 2024), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Lưu Xuân Đ, sinh năm 1954 và bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Lưu Xuân B, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ A, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: Ô 71, lô B, đường N, tổ A, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: số C, đường N, tổ B, khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lưu Xuân B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Y trình bày:*

Ông Hà Văn D là họ hàng với ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q và ông Lưu Xuân B.

Ngày 10/10/2022, ông D cho ông Đ, bà Q và ông B vay số tiền là 140.000.000 đồng, thời hạn vay đến hết ngày 30/10/2022, lãi suất thỏa thuận là 10%/năm (thỏa thuận bằng lời nói). Cho đến nay, ông Đ, bà Q, ông B chưa trả nợ gốc, chưa trả lãi. Việc cho vay có lập văn bản có tiêu đề “Giấy mượn tiền” đề ngày 10/10/2022, có chữ ký, dấu vân tay của ông Đ, bà Q, ông B. Trong giấy mượn tiền không ghi nhận về tiền lãi.

Cùng ngày 10/10/2022, ông D cho ông Đ, bà Q và ông B vay tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, tính từ ngày 10/10/2022 đến hết ngày 10/10/2023, lãi suất thỏa thuận là 10%/năm (thỏa thuận bằng lời nói). Cho đến nay, ông Đ, bà Q, ông B chưa trả nợ gốc, chưa trả lãi. Việc cho vay có lập văn bản có tiêu đề “Giấy vay tiền” đề ngày 10/10/2022, có chữ ký, dấu vân tay của ông Đ, bà Q, ông B. Trong giấy vay tiền không ghi nhận về tiền lãi.

Các lần cho vay đều thực hiện tại nhà của ông Đ và bà Q. Người nhận tiền là ông Đ, bà Q và ông B, việc giao nhận tiền là tiền mặt, không có biên nhận riêng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu như sau:

Buộc ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q và ông Lưu Xuân B cùng phải trả cho ông Hà Văn D số tiền nợ gốc là 1.640.000.000 (một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu) đồng.

Buộc ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q và ông Lưu Xuân B cùng phải trả cho ông Hà Văn D số tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 11/10/2023 cho đến khi Tòa án xét xử, tạm tính đến ngày 08/5/2025 là: 1.640.000.000 đồng x 10%/năm x 16 tháng 27 ngày = 230.941.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q và ông Lưu Xuân B cùng phải trả cho ông Hà Văn D là 1.870.941.000 đồng.

Về việc ông B cho rằng trong tổng số tiền 1.640.000.000 đồng có số tiền 1.000.000.000 đồng ông B vay của ông Hà Văn H (con của ông Hà Văn D), ông B cho rằng số tiền này đã được giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát,

tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh), ý kiến của nguyên đơn đối với lời trình bày của ông B như sau: Việc ông B vay tiền của ông H được thực hiện theo Hợp đồng cho vay tiền mặt đề ngày 11/4/2022 và đã được giải quyết bằng Bản án số 46/2024/DS-ST ngày 17/5/2024 và Trích lục bản án dân sự sơ thẩm số 218/2024/TLBA-DS ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, việc ông B cho rằng tổng số tiền 1.640.000.000 đồng mà ông D cho ông Đ, bà Q và ông B vay, có số tiền 1.000.000.000 đồng ông B vay của ông H là không đúng.

- Bị đơn ông Lưu Xuân B trình bày tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng: Ông Lưu Xuân Đ và bà Hoàng Thị Q là cha mẹ ruột ông B. Ông Hà Văn D là vai chú của ông B. Mẹ của ông D là em ruột của ông nội ông B, có mối quan hệ họ hàng với nhau.

Ông B không vay tiền ông D mà vay tiền con trai ông D tên là Hà Văn H, sinh năm 1991; nơi cư trú: số C, đường N, tổ B, khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Ông B vay ông H 02 lần, tổng số tiền là 1.300.000.000 đồng. Năm 2018, vay 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi là 2,5%/tháng, thỏa thuận mỗi năm đáo hạn lại khoản vay với chi phí là 120.000.000 đồng. Vì ông H vay ngân hàng, 06 tháng đáo hạn 1 lần, chi phí đáo hạn là 60.000.000 đồng/lần. Ông B và ông H cùng thống nhất, ngoài tiền lãi hàng tháng thì ông B phải trả cho ông H thêm 120.000.000 đồng/năm, tương ứng với việc 06 tháng đáo hạn 01 lần. Từ năm 2018 đến nay chưa trả cho H bất kỳ số nợ gốc nào, chỉ trả tiền lãi 25.000.000 đồng/tháng bằng hình thức tiền mặt và chuyển khoản. Trả lãi đến tháng 4 năm 2022 được 45 tháng, tổng tiền lãi đã thanh toán khoảng 1.100.000.000 đồng và tiền đáo hạn là 8 lần x 60.000.000 = 480.000.000 đồng. Tổng số tiền đã đưa cho ông H khoảng 1.580.000.000 đồng. Nợ lại tiền gốc là 1.000.000.000 đồng. Khi vay 1.000.000.000 đồng thì không làm văn bản ghi nhận. Cho đến ngày 11/4/2022, hai bên lập văn bản ghi nhận số tiền nợ 1.000.000.000 đồng. Đối với số tiền này, ông H đã khởi kiện ông B tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo Bản án số 46/2024/DS-ST ngày 17/5/2024 và Trích lục bản án dân sự sơ thẩm số 218/2024/TLBA-DS ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Cũng vào khoảng tháng 4 năm 2022, ông B vay ông H thêm số tiền 300.000.000 đồng, khi vay ông B và ông H không làm văn bản ghi nhận, mà ông H yêu cầu cha ông B là ông Lưu Xuân Đ và em trai ông B tên Lưu Xuân Thành L giấy tờ vay với cha ruột ông H tên là Hà Văn D, nội dung giấy vay tiền là tổng hợp khoản tiền ông B vay ông H năm 2018 là 1.000.000.000 đồng, khoản ông B vay thêm của ông H năm 2022 là 300.000.000 đồng và tiền lãi, tiền đáo hạn ngân hàng của số tiền 1.000.000.000 đồng là 200.000.000 đồng (trong đó đáo hạn 06 tháng từ khoảng tháng 9, 10/2021 đến tháng 4, tháng 5/2022 là 60.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 4 năm 2022 là 140.000.000

đồng). Tổng số tiền ông H yêu cầu ông Lưu Xuân Đ cùng ông Lưu Xuân T ghi nhận nợ với ông Hà Văn D là 1.500.000.000 đồng. Mục đích của việc làm này là do: tại thời điểm năm 2022, khả năng tài chính của ông B không tốt, không có tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ông H, còn ông Đ thì có tài sản là nhà và đất ngoài quê nên ông H yêu cầu ông Đ, ông T nhận nợ với ông D để đảm bảo trường hợp ông B không trả nợ được cho ông H thì ông Đ, ông T sẽ phải trả cho ông D số tiền mà ông B đã vay. Lúc này, ông B có trao đổi với ông Đ và ông T và được ông Đ, ông T đồng ý. Do đó, sau khi ông Đ, ông T ký giấy vay tiền với ông D thì ông H mới chuyển số tiền 300.000.000 đồng cho ông B vay.

Đối với giấy vay số tiền 1.500.000.000 đồng giữa ông D, ông Đ và ông T thì do gia đình ông H cất giữ, ông B không có tài liệu nào đối với giấy vay này để cung cấp cho Tòa án. Sau khi ông B và ông H thống nhất, ông B nợ ông H tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng nợ gốc, lãi là 1,7%/tháng, thời hạn thanh toán thì ông B không nhớ. Sau khi thống nhất về món vay là 1.500.000.000 đồng thì ông B đã trả lãi cho ông H được khoảng 25.000.000 đồng.

Đến ngày 10/10/2022, ông H cùng ông D đến nhà ông B ngoài quê tại H, H, Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) để yêu cầu viết lại giấy vay tiền. Lúc này, ông H, ông D yêu cầu ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q phải cùng ký giấy vay tiền, mục đích là để cùng có trách nhiệm đôn đốc ông B trong việc trả nợ cho ông H đúng hạn. Khi đó ông Đ, bà Q đồng ý, lúc đó có ông T, ông D1 làm chứng. Ông T và ông D1 có mặt ký làm chứng là làm chứng cho việc chỉ có ông B vay, ông Đ, bà Q chỉ có trách nhiệm nhắc nhở ông B trả nợ. Ông H yêu cầu viết thành 02 tờ:

Tờ 01: Có tiêu đề “Giấy vay tiền” đề ngày 10/10/2022, bên cho vay Bên A: ông Hà Văn D; bên vay bên B: ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q, ông Lưu Xuân B; số tiền vay là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Thỏa thuận về thời gian trả tiền như sau:

Ngày 10/02/2023, bên B phải trả cho bên A số tiền 500.000.000 đồng;

Ngày 10/6/2023, bên B phải trả cho bên A số tiền 500.000.000 đồng;

Ngày 10/10/2023, bên B phải trả cho bên A số tiền 500.000.000 đồng.

Ông B xác định: Phần bên vay ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q, ông Lưu Xuân B ký tên, lấn tay. Ông B không nhớ rõ là có thỏa thuận về việc trả lãi hay không.

Tờ 02: Có tiêu đề “Giấy mượn tiền” đề ngày 10/10/2022, bên cho vay Bên A: ông Hà Văn D; bên vay bên B: ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q, ông Lưu Xuân B; số tiền vay là 140.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 30 tháng 10 năm 2022. Ông B xác định: Phần bên vay ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q, ông Lưu Xuân B ký tên, lấn tay.

Lý do có tờ giấy vay thứ 2 là tiền lãi của số tiền 1.500.000.000 đồng tính từ tháng 4/2022 đến tháng 10/2022. Thực tế ông B chưa trả lãi cho ông H từ tháng 4/2022 đến tháng 10/2022.

Ông B xác định từ năm 2018 cho đến ngày 10/10/2022, ông B nợ ông H số tiền là 1.640.000.000 đồng, trong đó số tiền 1.000.000.000 đồng đã được giải quyết theo Bản án số 46/2024/DS-ST ngày 17/5/2024 và Trích lục bản án dân sự sơ thẩm số 218/2024/TLBA-DS ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) như ông B đã trình bày. Hiện chỉ còn nợ ông H 640.000.000 đồng nợ gốc.

Ông B xác định không nợ ông D bất kỳ số tiền nào. Đối với 02 giấy vay tiền mà ông D cung cấp thì thực tế ông B, ông Đ, bà Q chỉ ký hợp thức hóa đối với số nợ ông B và ông H, thực tế ông B, ông Đ, bà Q không nhận bất kỳ số tiền nào từ ông D.

Ý kiến của ông B đối với yêu cầu khởi kiện của ông D như sau: không đồng ý trả tiền cho ông D. Thực tế không vay tiền ông D và ông Đ, bà Q cũng không vay tiền ông D, không nhận tiền từ ông D nên không đồng ý theo yêu cầu của ông D. Nếu ông D chứng minh được ngày 10/10/2022, có giao tiền cho ông B và ông Đ, bà Q số tiền 1.640.000.000 đồng thì ông B mới đồng ý trả. Ông B chỉ đồng ý trả 640.000.000 đồng nợ gốc và lãi từ 11/10/2023 đến nay.

Ông B trình bày thêm về việc vay tiền giữa ông H và ông B được thực hiện như sau:

Ngày 27/7/2018, ông B vay ông H 1.000.000.000 đồng (ông H chuyển khoản 550.000.000 đồng cho ông B vào số tài khoản 0281000291216 tại Ngân hàng V, còn lại 450.000.000 đồng ông H giao tiền mặt cho ông B).

Ngày 17/6/2022, ông B vay ông H 300.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 17/6/2022 ông H chuyển khoản 50.000.000 đồng vào tài khoản số 06888878888 mang tên Lưu Xuân B tại Ngân hàng Q1.

Ngày 18/6/2022 ông H chuyển khoản 100.000.000 đồng vào tài khoản số 06888878888 mang tên Lưu Xuân B tại Ngân hàng Q1.

Ngày 18/6/2022 ông H chuyển khoản 50.000.000 đồng vào tài khoản số 06888878888 mang tên Lưu Xuân B tại Ngân hàng Q1.

Ngày 20/6/2022 ông H chuyển khoản 50.000.000 đồng vào tài khoản số 06888878888 mang tên Lưu Xuân B tại Ngân hàng Q1.

Còn lại 50.000.000 đồng, ông H giao cho ông B tiền mặt.

Từ ngày 27/7/2018, ông B đóng lãi cho ông H như sau: ngày 25/8/2018: chuyển khoản 27.000.000 đồng; ngày 22/9/2018: chuyển khoản 20.000.000 đồng; ngày 18/01/2019: chuyển khoản 50.000.000 đồng; ngày 28/01/2019: chuyển khoản 28.000.000 đồng; ngày 25/02/2019: chuyển khoản 28.000.000 đồng; ngày 20/3/2019: chuyển khoản 25.000.000 đồng; ngày 22/4/2019: chuyển khoản 25.000.000 đồng; ngày 23/5/2019: chuyển khoản 25.000.000 đồng; ngày 11/7/2019: chuyển khoản 100.000.000 đồng; ngày 23/8/2019: chuyển khoản 25.000.000 đồng; ngày 22/10/2019: chuyển khoản 20.000.000 đồng; ngày

19/11/2019: chuyển khoản 68.000.000 đồng và ngày 23/12/2019: chuyển khoản 25.000.000 đồng.

Từ ngày 23/12/2019, hàng tháng đều chuyển cho ông H số tiền dao động từ 20.000.000 đồng đến 28.000.000 đồng, cho đến tháng 6/2022 khi ông H cho vay thêm số tiền 300.000.000 đồng, thì không còn chuyển tiền lãi đều đặn hàng tháng như trước, sau đó có chuyển tiền lãi thêm 02 lần, 01 lần 15.000.000 đồng và 5.000.000 đồng (từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018 và từ ngày 23/12/2019 đến tháng 6/2022 thì không sao kê gửi cho Tòa án được, lý do chi phí để sao kê nhiều tiền, không có đủ để sao kê gửi Tòa án).

Tổng số tiền lãi đã thanh toán cho ông H là khoảng 1.200.000.000 đồng; tiền đáo hạn đã thanh toán cho ông H là khoảng 450.000.000 đồng. Tổng số tiền đã giao cho ông H là khoảng 1.650.000.000 đồng, chuyển giao cho ông H có 02 hình thức là tiền mặt và chuyển khoản, nhưng chưa xác định cụ thể là chuyển khoản bao nhiêu và tiền mặt bao nhiêu (ông B cam kết cung cấp cho Tòa án số liệu cụ thể về số tiền giao cho ông H và sao kê tài khoản ngân hàng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 08/5/2025, hết thời hạn nếu không cung cấp được thì Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật).

- *Bị đơn ông Lưu Xuân Đ và bà Hoàng Thị Q trình bày:* Ông Đ với ông Hà Văn D là anh em họ. Năm 2018, ông Đ, bà Q và con trai là Lưu Xuân B vay của Hà Văn H (con trai ông D) số tiền khoảng 1.000.000.000 đồng chứ không vay của ông D. Đến ngày 10/10/2022, sau khi làm ăn thua lỗ từ miền N trở về, ông Đ, bà Q và ông B mới viết giấy vay tiền ông Hà Văn D với nội dung là ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q và ông Lưu Xuân B có vay của ông D số tiền 1.500.000.000 đồng, thời gian vay 01 tháng và cam kết đến ngày 10/02/2023 cùng phải trả cho ông D số tiền là 500.000.000 đồng, ngày 10/02/2023, trả 500.000.000 đồng, ngày 10/10/2023 trả số tiền còn lại là 500.000.000 đồng. Tại giấy vay tiền thứ 2 đề ngày 10/10/2022 thể hiện nội dung ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q và ông Lưu Xuân B có vay của ông D số tiền 140.000.000 đồng và cam kết thời hạn trả nợ chậm nhất vào ngày 30/10/2022. Bản chất hai vợ chồng ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q cùng ký tên trong các giấy vay tiền nêu trên mục đích để ông D yên tâm cho ông B vay tiền. Đến nay, ông B đã trả được phần nào số tiền nợ trên cho ông D hay chưa thì ông Đ, bà Q không nắm được. Nay, ông D khởi kiện buộc ông Đ, bà Q cùng trả số tiền 1.640.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi từ ngày 11/10/2023 cho đến khi Tòa án xét xử tạm tính đến ngày 02/01/2024 là 36.843.835 đồng, ý kiến của ông Đ, bà Q là chỉ ký giấy vay tiền nêu trên để đảm bảo cho việc trả nợ của ông B đối với ông D, thực tế ông Đ, bà Q không vay tiền của ông H cũng như ông D. Bản thân ông Đ, bà Q già yếu không có khả năng cùng ông B trả nợ. Khi nào ông B thu xếp được thì ông B có trách nhiệm trả nợ cho ông D. Ông Đ, bà Q yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn H trình bày:* ông H là con của ông Hà Văn D. Ngày 11/4/2022, ông H cho ông Lưu Xuân B vay số tiền 1.000.000.000 đồng, được ghi nhận bằng “Hợp đồng cho vay tiền mặt” đề ngày 11/4/2022, số tiền vay 1.000.000.000 đồng đã được giải quyết bằng Bản án số

46/2024/DS-ST ngày 17/5/2024 và Trích lục bản án dân sự sơ thẩm số 218/2024/TLBA-DS ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh). Ông H không liên quan đến việc vay tiền giữa ông D với ông Đ, bà Q và ông B. Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 12/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn D đối với bị đơn ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q và ông Lưu Xuân B về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q và ông Lưu Xuân B cùng phải trả cho ông Hà Văn D số tiền 1.936.997.206 (một tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm lẻ sáu) đồng, trong đó bao gồm 1.640.000.000 (một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu) đồng nợ gốc và 296.997.206 (hai trăm chín mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm lẻ sáu) đồng tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lưu Xuân B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông B chỉ đồng ý trả số tiền 640.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lưu Xuân B vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, ông B chỉ đồng ý trả số tiền 640.000.000 đồng, số tiền 1.000.000.000 đồng ông B xác định đã được giải quyết tại Bản án số 46/2024/DS-ST ngày 17/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ, ông Lưu Xuân B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Xuân B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Y, bị đơn ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Hà Văn D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q và ông Lưu Xuân B có nghĩa vụ trả cho ông D tổng số tiền vay là 1.640.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 10 tháng 10 năm 2022 với số tiền là 140.000.000 đồng và “Giấy vay tiền” đề ngày 10 tháng 10 năm 2022 với số tiền là 1.500.000.000 đồng.

[3] Quá trình tố tụng, các bị đơn ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q và ông Lưu Xuân B thừa nhận chữ ký, dấu vân tay của các ông, bà tại 02 chứng cứ trên, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn ông Đ và bà Q cho rằng ông, bà không vay của ông D, việc ông, bà ký vào giấy mượn tiền và giấy vay tiền trên là để đảm bảo làm tin để ông D cho ông B vay tiền nên ông B là người có nghĩa vụ trả nợ cho ông D. Ông B thì cho rằng ông B không vay tiền của ông D mà chỉ vay tiền của ông H. Số tiền 1.640.000.000 đồng thì trong đó có 1.000.000.000 đồng đã được giải quyết tại Bản án số 46/2024/DS-ST ngày 17/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, ông B chỉ còn nợ ông H số tiền 640.000.000 đồng, không nợ tiền ông D nên chỉ đồng ý trả số tiền 640.000.000 đồng.

[5] Xét, căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ thì số tiền 1.000.000.000 đồng mà ông B cho rằng nợ ông H là theo “Hợp đồng cho vay tiền mặt” đề ngày 11 tháng 4 năm 2022 và đã được giải quyết tại Bản án số 46/2024/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024. Bản án sơ thẩm nêu trên đã phát sinh hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm hoặc giám đốc thẩm nên những tình tiết đã được xác định trong bản án, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ theo nội dung đã được xác định tại Bản án, ông B không trình bày bất kỳ ý kiến nào đối với nội dung đã nêu trên. Do đó, việc ông B cho rằng trong tổng số tiền 1.640.000.000 đồng mà ông D cho ông Đ, bà Q và ông B vay đã bao gồm 1.000.000.000 đồng ông B vay của ông H là không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền ông B, ông Đ và bà Q vay của ông D là 1.640.000.000 đồng, không liên quan đến khoản nợ giữa ông B và ông H đã được giải quyết tại Bản án nêu trên là có căn cứ.

[6] Ông Đ và bà Q cho rằng không có vay tiền của ông D, ông Đ và bà Q ký là để đảm bảo làm tin để ông D cho ông B vay tiền. Tuy nhiên, sau khi có án sơ thẩm thì ông Đ và bà Q không kháng cáo. Thỏa thuận vay và trả nợ được các bên ghi nhận bằng văn bản, hết thời hạn thỏa thuận bị đơn không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Lưu Xuân Đ, bà Hoàng Thị Q và ông Lưu Xuân B cùng trả số tiền 1.640.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về tiền lãi, theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 10 tháng 10 năm 2022 với số tiền là 140.000.000 đồng thì ngày trả nợ là 30/10/2022 và “Giấy vay tiền” đề ngày 10 tháng 10 năm 2022 với số tiền là 1.500.000.000 đồng thì hạn trả nợ kỳ cuối là ngày 10/10/2023. Như vậy, theo giấy mượn tiền và giấy vay tiền hai bên không

thỏa thuận lãi suất nên hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và không thỏa thuận lãi. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi của cả hai khoản vay với mức lãi suất 10% từ ngày 11/10/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 12/8/2025 với số tiền 296.997.206 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Bị đơn ông Lưu Xuân B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên kháng cáo của ông B không được chấp nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lưu Xuân B.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lưu Xuân B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0015953 ngày 09/9/2025 của Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (13), 72.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết